

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
**ĐƠN VỊ: KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN, LẦN 2**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 3, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP		
Mã học phần:	71FINN40013	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_71FINN40013_01		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>75</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1

+ Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các phương pháp trong quản lý tài chính về quá trình huy động vốn, sử dụng vốn của doanh nghiệp.	Trắc nghiệm	30	1, 4, 5, 6, 7, 14	3,0	PI 2.3, A
CLO2	Quản trị các hoạt động tài chính doanh nghiệp góp phần phát triển thị trường tài chính ngân hàng ổn định và bền vững.	Trắc nghiệm + Tự luận	30	2, 3, 8, 13, 18, 20	3,0	PI 3.3, A
CLO4	Thực hiện thành thạo nghiệp vụ tư vấn về tài chính doanh nghiệp	Trắc nghiệm	10	9, 12	1,0	PI 6.2
CLO5	Thể hiện thói quen tự học tập bồi dưỡng năng lực đáp ứng sự thay đổi nghề nghiệp	Trắc nghiệm + Tự luận	30	10, 11, 15, 16, 17, 19	3,0	PI 10.2, A

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

#### PHẦN TRẮC NGHIỆM (16 câu hỏi + 0,5 điểm/câu hỏi)

##### Câu 1:

Một dự án đầu tư kéo dài trong 6 năm dự kiến có các phát sinh tại thời điểm đầu tư như sau:

- Đầu tư vốn vào tài sản cố định là 1.000 triệu đồng
- Đầu tư cho tài sản ngắn hạn là 500 triệu đồng
- Các khoản nợ người bán tăng thêm: 150 triệu đồng

Hãy xác định vốn đầu tư vào dự án trong đầu năm thứ nhất khi xây dựng dòng tiền thẩm định dự án.

- A. 1.350 triệu đồng
- B. 1.650 triệu đồng
- C. 1.550 triệu đồng
- D. 1.000 triệu đồng

ANSWER: A

##### Câu 2:

Một hợp đồng vay nợ có thông tin sau:

- Số tiền nhận nợ một lần là 150 triệu đồng, thời hạn vay nợ là 36 tháng, lãi suất vay nợ là 12%/năm, trả lãi hàng tháng, lãi tính trên dư nợ đầu kỳ.
- Trả đều nhau hàng tháng, lần trả nợ đầu tiên cách ngày nhận nợ 1 tháng.

Hãy xác định số tiền khách hàng trả nợ đều mỗi tháng.

- A. 4,98 triệu đồng
- B. 4,88 triệu đồng
- C. 5,21 triệu đồng
- D. 4,92 triệu đồng

ANSWER: A

##### Câu 3:

Một khoản tiền đầu tư một lần ban đầu là 200 triệu đồng, ghép lãi theo kỳ 3 tháng. Lãi suất cho hoạt động đầu tư này 4%/kỳ. Thời gian đầu tư là 3 năm. Xác định số tiền mà nhà đầu tư nhận được một lần (vốn và lãi) sau 3 năm.

- A. 320,206 triệu đồng
- B. 280,985 triệu đồng
- C. 273,714 triệu đồng
- D. 325,435 triệu đồng

ANSWER: A

**Câu 4:**

Công ty NL huy động vốn cho nhu cầu đầu tư mới trong năm nay với thông tin:

- Vay nợ 3 tỷ đồng, chi phí sử dụng nợ trước thuế là 12%/năm
- Lợi nhuận để lại: 2 tỷ đồng, chi phí sử dụng vốn lợi nhuận để lại là 24%/năm
- Cổ phần thường mới 5 tỷ đồng, chi phí sử dụng vốn cổ phần thường mới phát hành là 26%/năm
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%

Xác định chi phí sử dụng vốn trung bình của nguồn vốn mới huy động.

- A. 20,68%/năm
- B. 24,32%/năm
- C. 21,40%/năm
- D. 22,48%/năm

ANSWER: A

**Câu 5:**

Thông tin về việc huy động vốn từ phát hành trái phiếu của công ty như sau:

- Vốn huy động 5 tỷ đồng
- Mệnh giá trái phiếu 100.000 đồng, lãi suất trái phiếu 10%/năm, trả lãi mỗi năm 1 lần, thời hạn trái phiếu là 5 năm
- Giá bán trái phiếu trên thị trường là 96.000 đồng, chi phí phát hành là 3.000 đồng/TP.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%

Hãy xác định chi phí sử dụng vốn trái phiếu trước thuế của công ty này là bao nhiêu?

- A. 11,94 %
- B. 9,55 %
- C. 11,35 %
- D. 11,65 %

ANSWER: A

**Câu 6:**

Biết chi phí sử dụng vốn bình quân của dự án là 18%/năm, hãy xác định NPV của dự án (đơn vị triệu đồng)

Năm	0	1	2	3	4	5
Vốn đầu tư	650					
Thu nhập		100	200	300	200	200

- A. - 48,45 triệu đồng
- B. 48,45 triệu đồng
- C. -13,25 triệu đồng
- D. 25, 89 triệu đồng

ANSWER: A

**Câu 7:**

Năm nay, doanh nghiệp huy động vốn từ nợ như sau:

- Vay 1 tỷ đồng ở ngân hàng, lãi vay 10,2 %/năm, trả lãi hàng tháng, thời hạn 5 năm
- Vay 2 tỷ đồng từ việc phát hành trái phiếu, giá bán trái phiếu 95.000 đồng, mệnh giá 100.000 đồng, lãi suất trái phiếu 10%/năm, trả lãi mỗi năm 1 lần, thời hạn 5 năm.

Vậy chi phí sử dụng vốn vay ngân hàng sau thuế của nguồn vốn huy động này là bao nhiêu?

- A. 8,55%/năm
- B. 10,69%/năm
- C. 11,35%/năm
- D. 10,45%/năm

ANSWER: A

**Câu 8:**

Hoạt động nào sau đây là sử dụng quỹ tiền tệ của doanh nghiệp?

- A. Chi trả cổ tức cho cổ đông ưu đãi
- B. Vay ngân hàng
- C. Phát hành trái phiếu
- D. Thanh lý máy móc đã qua sử dụng

ANSWER: A

**Câu 9:**

Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Chi phí sử dụng nợ thường cao hơn chi phí sử dụng vốn cổ phần.
- B. Chi phí sử dụng vốn bình quân sử dụng trong các dự án được tính sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
- C. Vốn chiếm dụng không thuộc nguồn vốn dài hạn của công ty.
- D. Quy mô vốn huy động càng tăng thì chi phí sử dụng vốn trung bình càng tăng.

ANSWER: A

**Câu 10:**

Trong năm nay, tỷ lệ Tài sản ngắn hạn/Doanh thu thuần là 40%, Vốn chiếm dụng/Doanh thu thuần là 25%. Nếu năm sau doanh thu thuần tăng thêm 6 tỷ đồng, tài sản cố định thuần tăng thêm 1 tỷ đồng, hãy xác định nhu cầu vốn cần tài trợ theo phương pháp dự toán % theo doanh thu.

- A. 1,9 tỷ đồng
- B. 1,0 tỷ đồng
- C. 0,9 tỷ đồng
- D. 1,2 tỷ đồng

ANSWER: A

**Câu 11:**

Trong năm nay, Tỷ lệ Tài sản ngắn hạn/Doanh thu thuần là 45%, Các khoản phải trả/Doanh thu thuần là 30%. Nếu năm sau, doanh thu thuần tăng thêm 4 tỷ đồng; tài sản dài hạn tăng thêm 1,2 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế năm sau dự kiến là 4 tỷ đồng, tỷ lệ chia cổ tức là 75%, hãy xác định nhu cầu vốn ngoại sinh cần tài trợ (AFN) theo phương pháp dự toán % theo doanh thu.

- A. 0,8 tỷ đồng
- B. 1 tỷ đồng
- C. 3 tỷ đồng
- D. 1,8 tỷ đồng

ANSWER: A

**Câu 12:**

Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. IRR của dự án là mức lãi suất chiết khấu mà tại đó NPV của dự án bằng 0.
- B. NPV bằng 0 thì IRR nhỏ hơn WACC
- C. Phương pháp PP cho biết thời gian có lời hoặc lỗ của dự án.
- D. Khi WACC của dự án tăng thì NPV của dự án tăng theo.

ANSWER: A

**Câu 13:**

Khoản mục nào dưới đây phụ thuộc vào sự thay đổi của doanh thu?

- A. Các khoản phải trả.
- B. Vay ngắn hạn
- C. Vay dài hạn
- D. Đầu tư ngắn hạn

ANSWER: A

**Câu 14:**

Một căn hộ hiện đang được cho thuê với giá trong 5 năm đầu là 60 triệu/năm, tiền thuê được thu hằng năm vào cuối mỗi kỳ cho thuê. Sau thời gian cho thuê 5 năm, căn hộ có giá trị ước tính theo thị trường là 1.500 triệu đồng. Lãi suất chiết khấu của dòng tiền dành cho nhà đầu tư là 10%/năm, hãy xác định giá của căn hộ ở thời điểm hiện tại.

- A. 1.158,83 triệu đồng
- B. 1.118,57 triệu đồng
- C. 1.122,86 triệu đồng
- D. 1.124,89 triệu đồng

ANSWER: A

**Câu 15:**

Hãy xác định mức sinh lời trung bình kỳ vọng của danh mục sau:

Chứng khoán	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Tỷ suất lợi nhuận
X	250	12%
Y	350	18%
Z	600	20%

- A. 17,75 %
- B. 18,25 %
- C. 16,50 %
- D. 17,25 %

ANSWER: A

**Câu 16:**

Hãy xác định độ lệch chuẩn của danh mục sau:

Chứng khoán	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Độ lệch chuẩn	Hệ số tương quan
M	200	0,4	$\rho_{MN} = 0,25; \rho_{MM} = 1$
N	600	0,5	$\rho_{NM} = 0,25; \rho_{NN} = 1$

- A. 0,41
- B. 0,17

C. 0,50

D. 0,45

ANSWER: A

**Câu 17:**

Thông tin về cổ phiếu thường doanh nghiệp như sau:

- Giá cổ phiếu hiện tại của doanh nghiệp là 62.500 đồng.
- Mức cổ tức được chia ở kỳ hiện tại là 2.500 đồng.
- Cổ tức dự kiến tăng trưởng 20%/năm trong hai năm đầu, năm tiếp theo tăng trưởng ở mức 15%/năm
- Lãi suất thị trường là 20%/năm.

Yêu cầu: Kỳ vọng mức lãi suất thị trường không đổi sau 2 năm nữa, khi đó giá cổ phiếu này vào **cuối năm thứ hai** là bao nhiêu?

A. 82.800 đồng.

B. 80.200 đồng

C. 82.500 đồng

D. 80.700 đồng

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (3 câu hỏi + 0,5 điểm/câu hỏi)****Câu 18: (0,5 điểm)**

Công ty MNC đang xem xét dự án đưa dòng sản phẩm mới ra thị trường. Để đánh giá mức độ sâu rộng về khả năng tiếp thị, công ty chi khoản tiền 1 tỷ đồng để thực hiện cuộc khảo sát công khai và rộng rãi. Nếu dự án này được thực hiện thì khoản chi phí 1 tỷ đồng có được đưa vào khi phân tích dòng tiền của dự án? Hãy giải thích.

**Câu 19: (0,5 điểm)**

Điều gì sẽ xảy ra đối với giá trái phiếu so với mệnh giá nếu lãi suất thị trường cao hơn hoặc bằng lãi suất cố định của trái phiếu?

**Câu 20: (0,5 điểm)**

Tập đoàn ABC đang xem xét đầu tư vào 2 dự án: (i) Sản xuất xe ô tô điện; (ii) Xây dựng các căn hộ chung cư cao cấp.

Cả hai dự án này đều sử dụng chung 1 suất chiết khấu và cho giá trị NPV dương. Trong đó, dự án sản xuất xe ô tô điện cho giá trị NPV thấp hơn. Nếu hiện tại tập đoàn có thể huy động đủ vốn cho cả 2 dự án thì tập đoàn nên đầu tư vào dự án nào? Tại sao?

**ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM**

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8,5	

Câu 1 – 17	Đáp án A	0,5	
<b>II. Tự luận</b>		<b>1,5</b>	
Câu 18	Khoản tiền 1 tỷ đồng thuộc về chi phí chìm, đã phát sinh trước khi có quyết định thực hiện dự án (0,25 điểm) nên không đưa vào phân tích dòng tiền dự án (0,25 điểm)	0,5	
Câu 19	Khi lãi suất thị trường cao hơn lãi suất cố định của trái phiếu thì giá trái phiếu sẽ thấp hơn mệnh giá trái phiếu. (0,25 điểm) Khi lãi suất thị trường bằng lãi suất cố định của trái phiếu thì giá trái phiếu sẽ bằng mệnh giá trái phiếu. (0,25 điểm)	0,5	
Câu 20	2 dự án trên độc lập lẫn nhau vì không cùng 1 mục tiêu vì sản phẩm của mỗi dự án là khác nhau. (0,25 điểm) NPV của 2 dự án đều dương và tập đoàn đủ vốn đầu tư nên sẽ chọn cả 2 dự án để đầu tư. (0,25 điểm)	0,5	
<b>Điểm tổng</b>		<b>10,0</b>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2024

**Trưởng Bộ môn**

**Giảng viên ra đề**




**TS. Phạm Thị Hồng Vân**

**Nguyễn Thúy Quỳnh**